

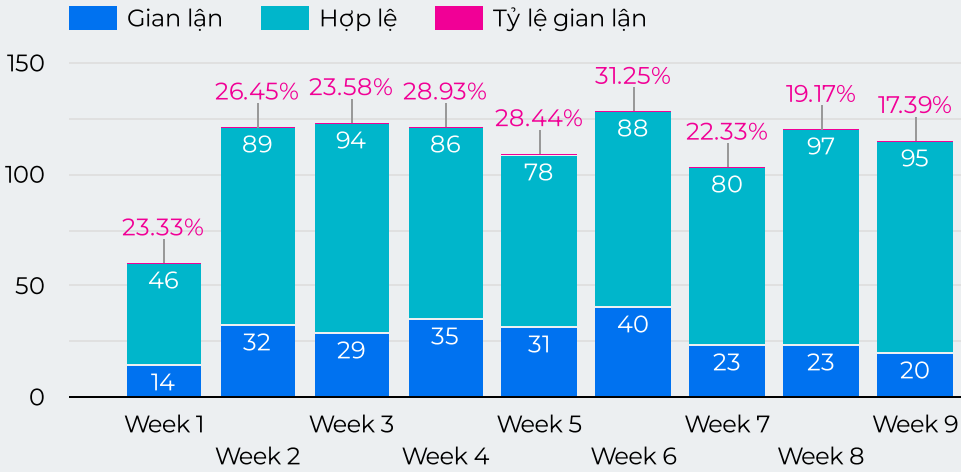
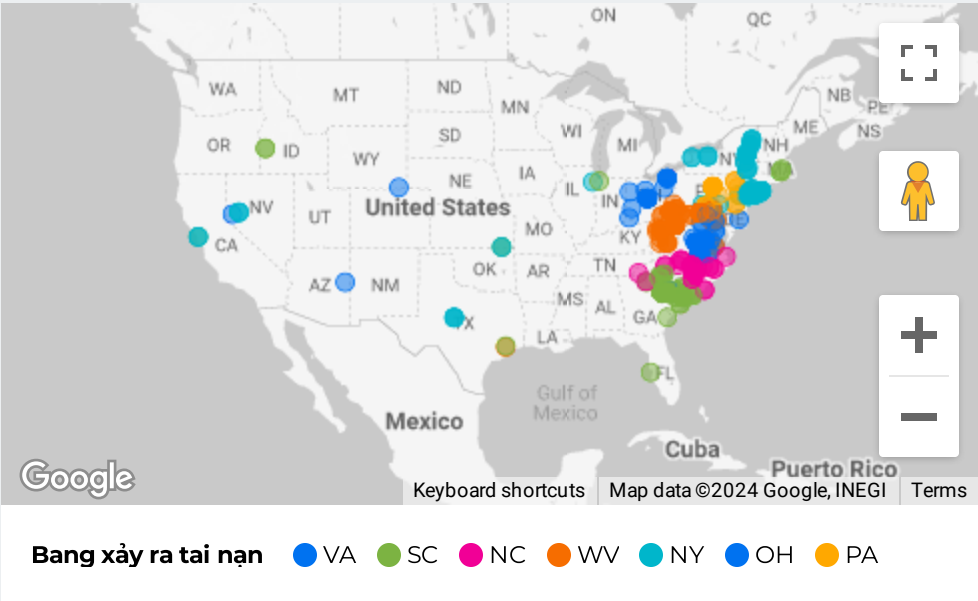
Số đơn khiếu nại
1,000

Số hợp đồng gian lận
247

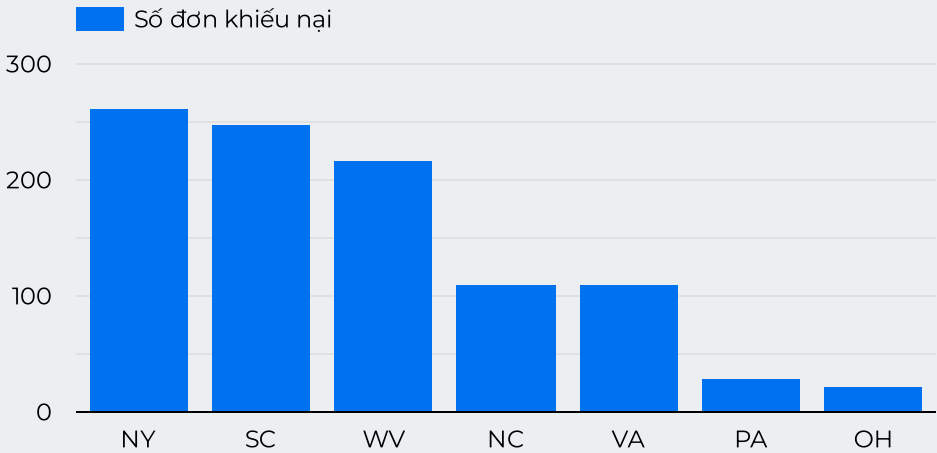
Tỷ lệ gian lận
24.82%

Tổng tiền bồi thường
\$52.76M

Báo cáo dự đoán tình trạng gian lận yêu cầu bồi thường bảo hiểm



Biểu đồ miền hiển thị tương quan giữa hợp đồng gian lận và hợp lệ theo thời gian



Biểu đồ cột thể hiện lượng đơn khiếu nại từ các bang

Mã	Tuổi	Số lượng nhân chứng	Hãng	Loại bảo hiểm	Báo cáo cảnh sát	Phí hằng năm	Bồi thường ② ▾	Gian lận ① ▾
217938	41	0	Suburu	250/500	YES	847.03	112320	Y
346940	30	0	Dodge	500/1000	NO	1166.54	107900	Y
753844	46	1	Mercedes	250/500	NO	1012.78	104610	Y
515050	58	1	Accura	100/300	Unknow	990.98	99320	Y
187775	44	1	Chevrolet	100/300	Unknow	1297.75	98670	Y
127754	23	3	Honda	250/500	Unknow	1136.83	98340	Y
291006	41	1	Chevrolet	100/300	Unknow	951.56	98280	Y
115399	55	2	Dodge	100/300	Unknow	1268.79	98160	Y
616337	34	1	BMW	250/500	Unknow	1737.66	97080	Y

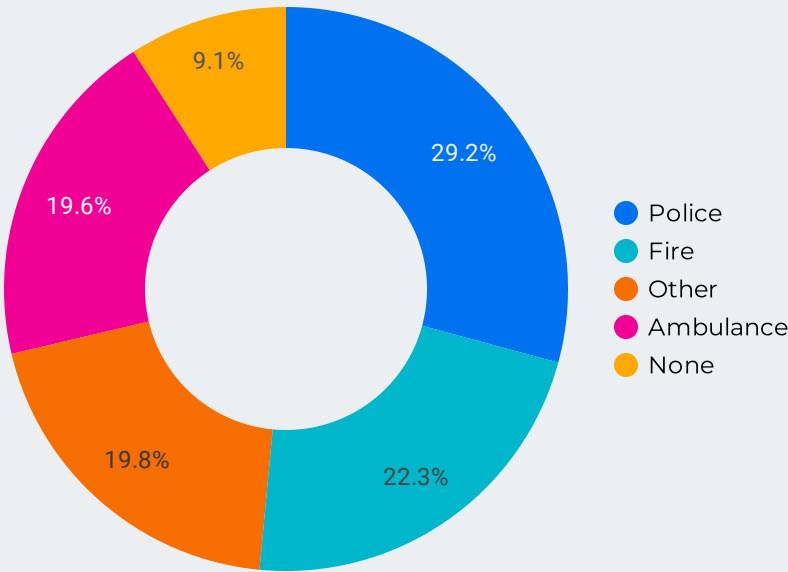
1 - 10 / 1000 < >

Thông tin của những khách hàng yêu cầu bảo hiểm từ các vụ tai nạn

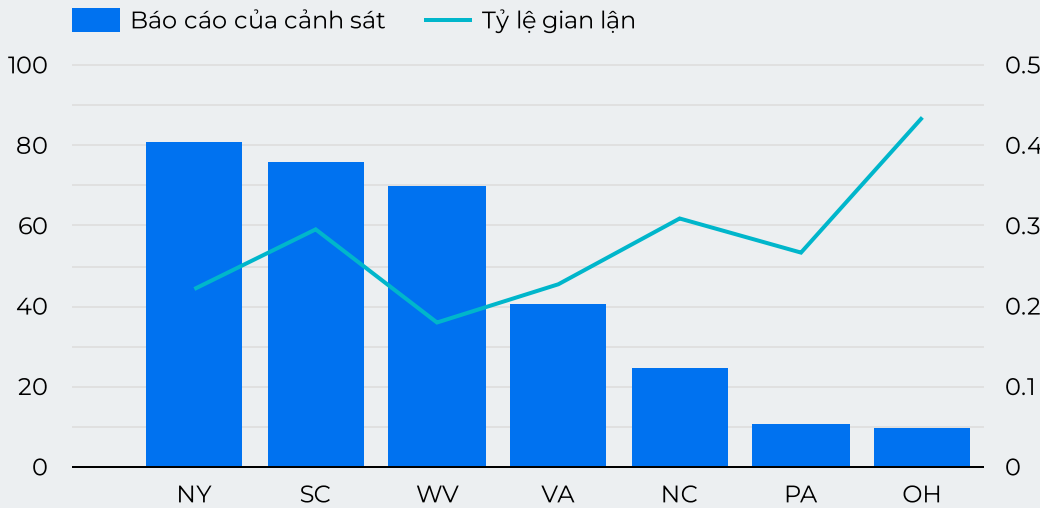
I. Tình hình về các vụ tai nạn

a. Báo cáo tình hình

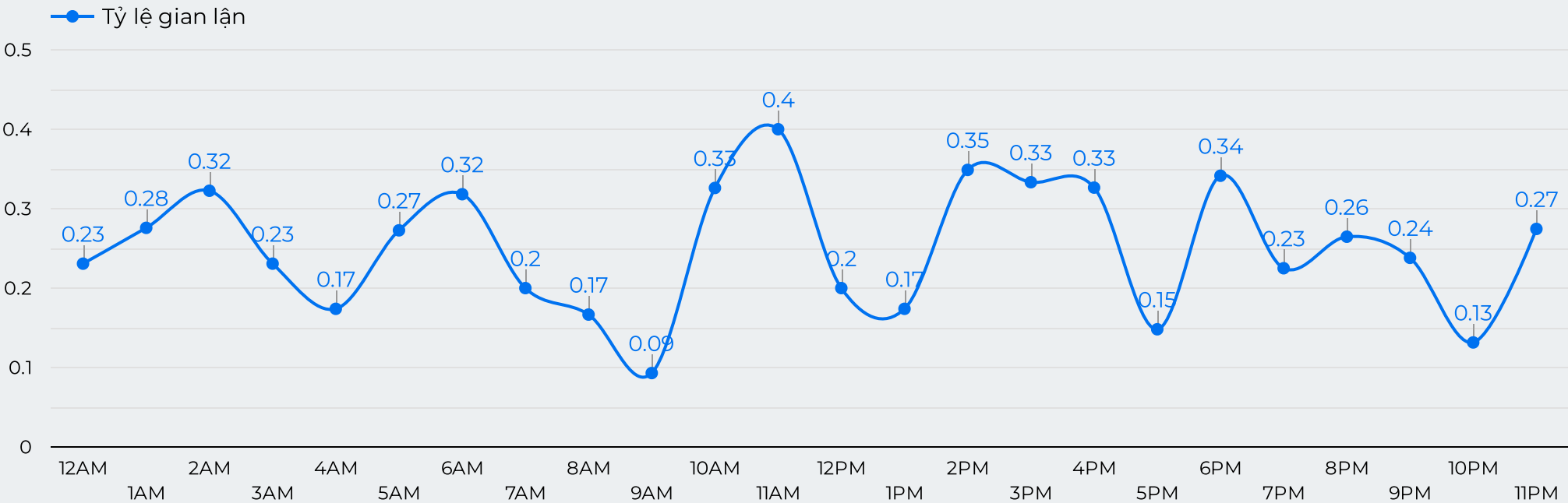
Ngày	Tai nạn	Báo cáo cảnh sát	ratio_police	Số tiền yêu cầu từ hợp đồng gian lận
60	1,000	314	32%	\$14.89M



Biểu đồ tròn thể hiện đơn vị tiếp nhận vụ án



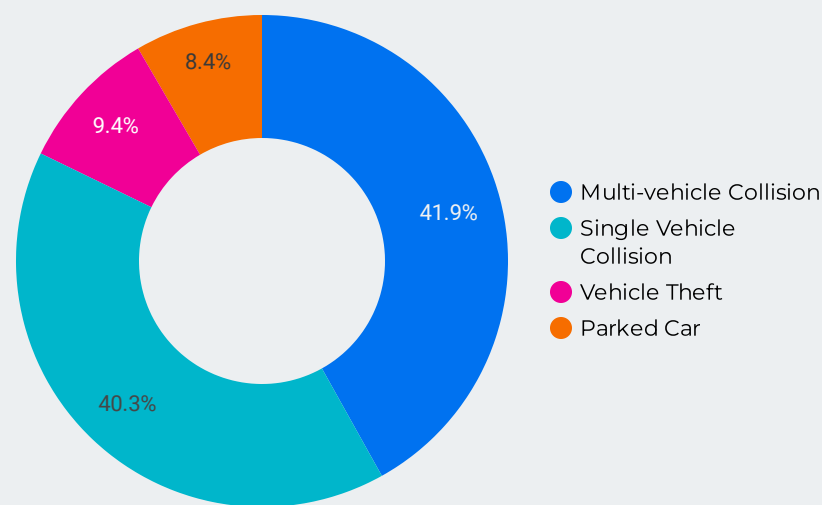
Biểu đồ kết hợp thể hiện mối tương quan giữa số lượng khiếu nại có báo cáo cảnh sát với tỉ lệ gian lận của các bang



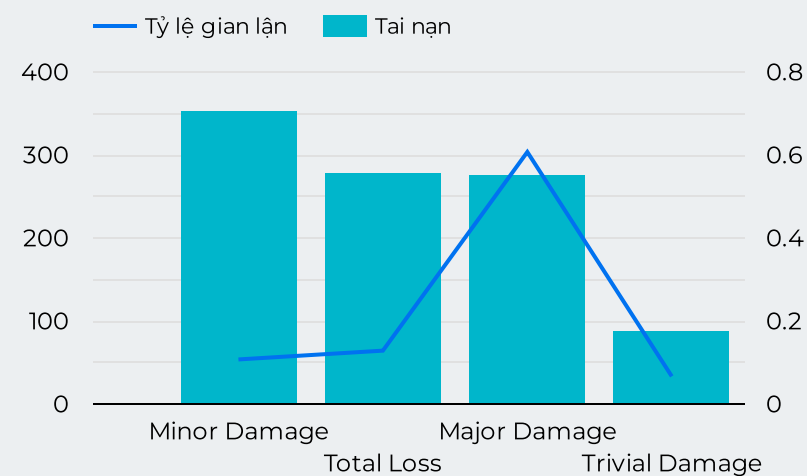
Biểu đồ kết hợp thể hiện tương quan các báo cáo của cảnh sát với lượng hợp đồng gian lận theo giờ trong ngày

I. Tình hình về các vụ tai nạn

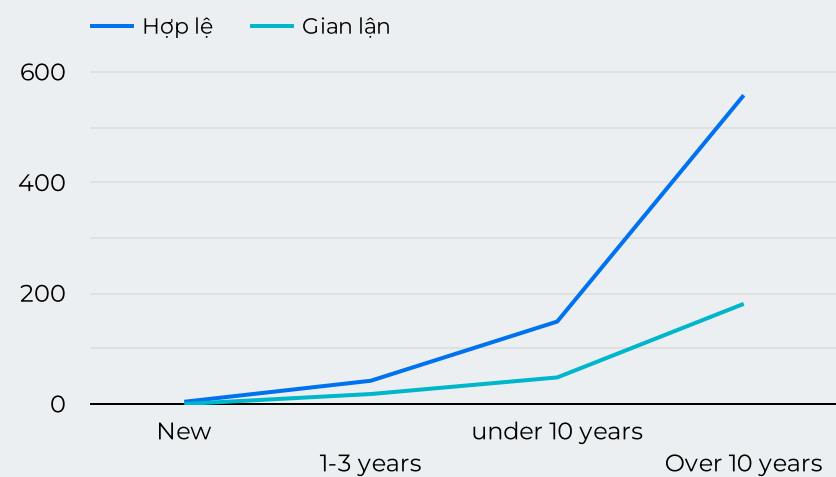
b. Phân tích tình huống



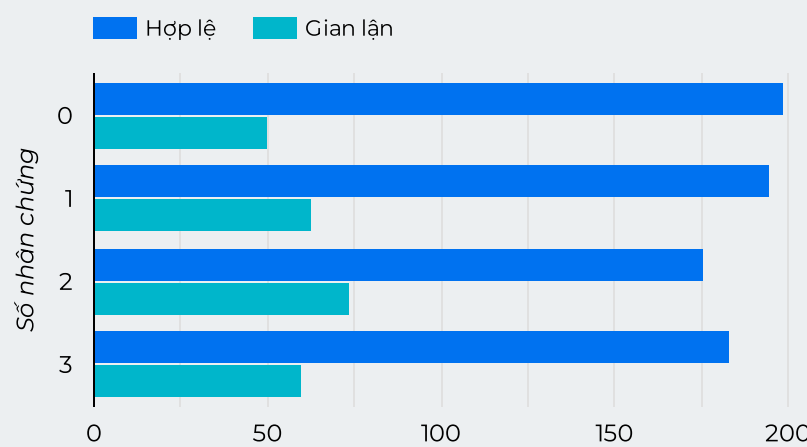
Biểu đồ tròn thể hiện tỉ lệ nguyên nhân các vụ tai nạn



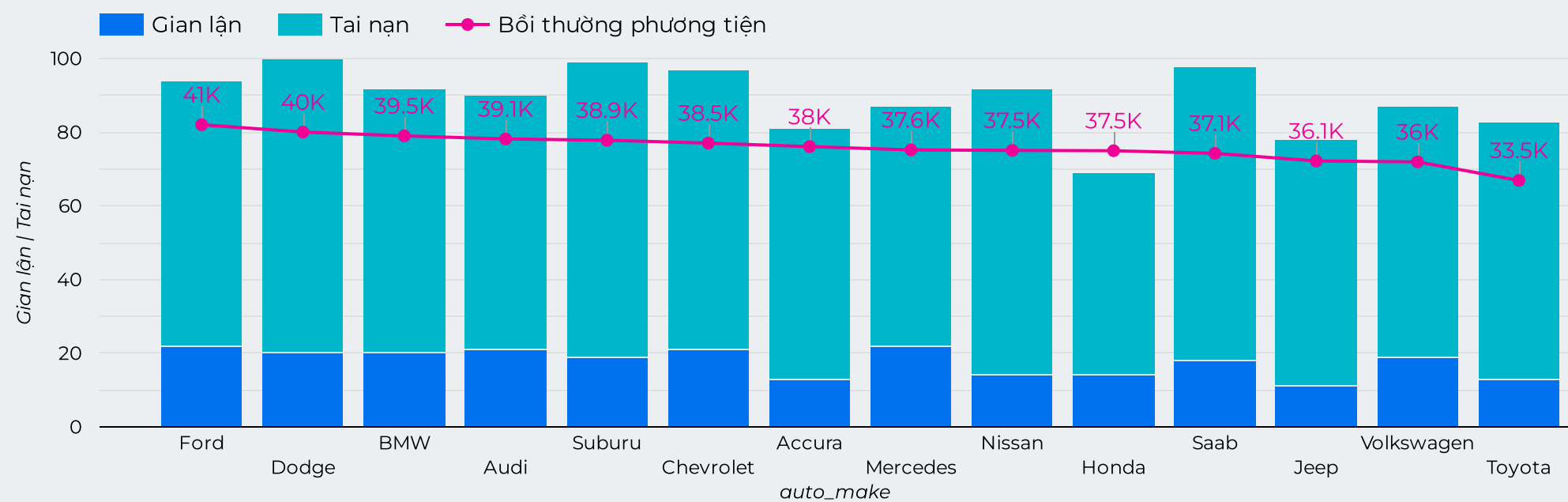
Biểu đồ kết hợp thể hiện các mối tương quan của mức độ nghiêm trọng từng sự cố



Biểu đồ đường thể hiện tương quan giữa số vụ gian lận ứng với từng nhóm khách hàng



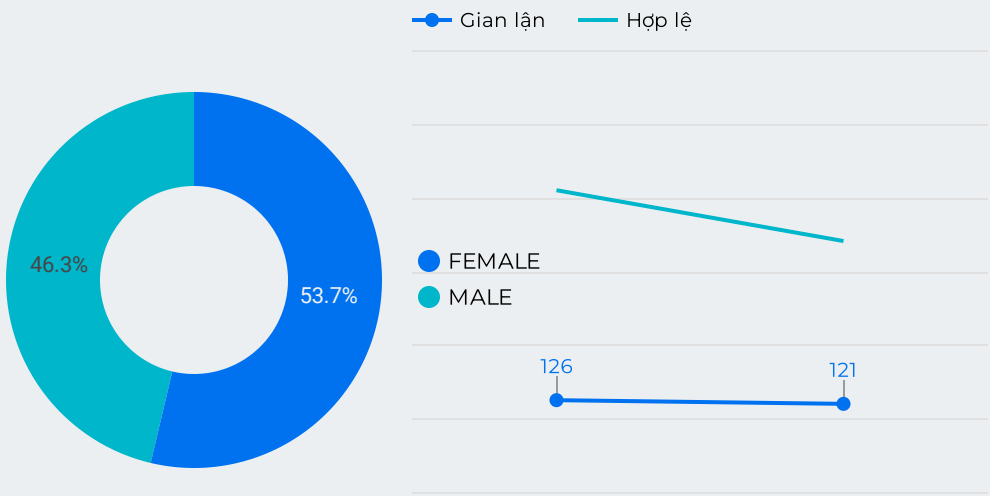
Biểu đồ cột ngang thể hiện tương quan giữa số nhân chứng và tỉ lệ gian lận



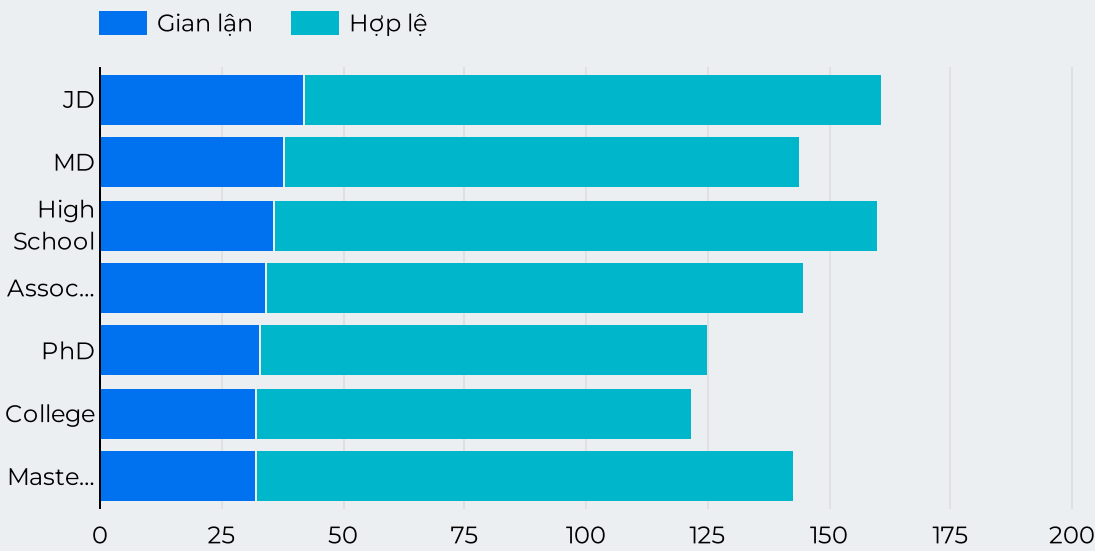
Biểu đồ hộp thể hiện số tiền yêu cầu bồi thường đối với từng hãng xe

II. Thống kê khách hàng

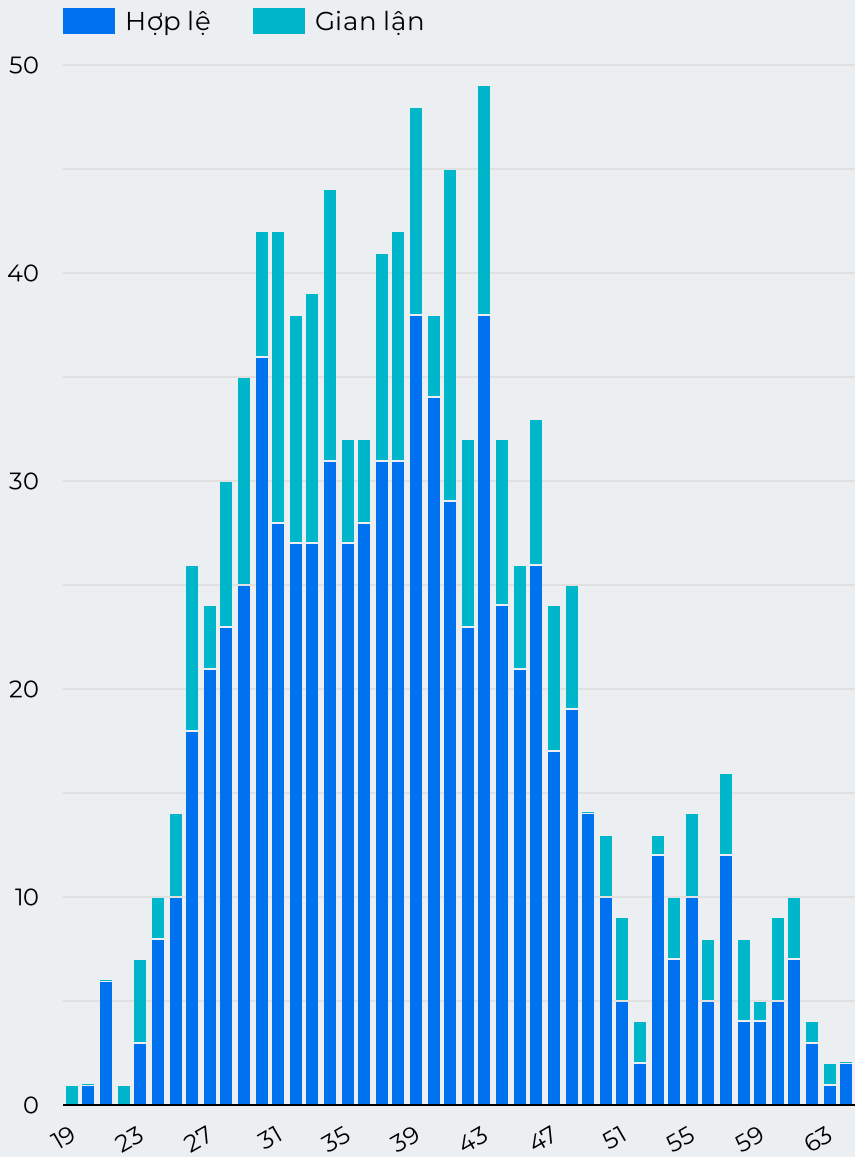
a. Thông tin cá nhân



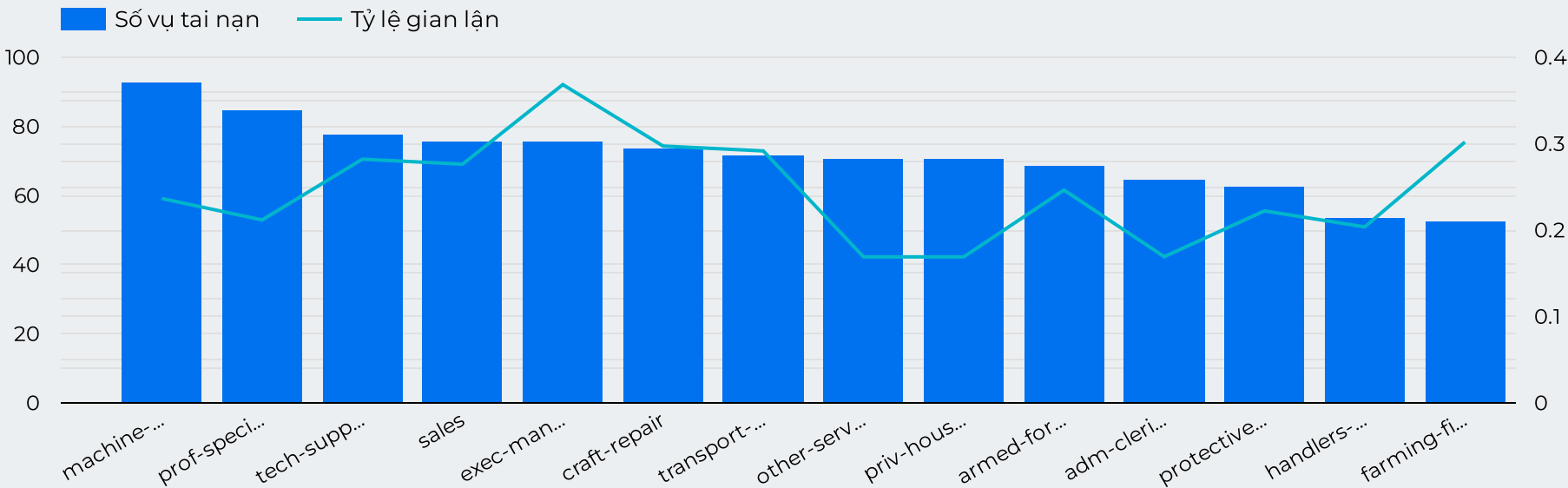
Biểu đồ kết hợp thể hiện giới tính với lượng hợp đồng gian lận



Biểu đồ cột thể hiện trình độ học vấn với lượng khiếu nại gian lận

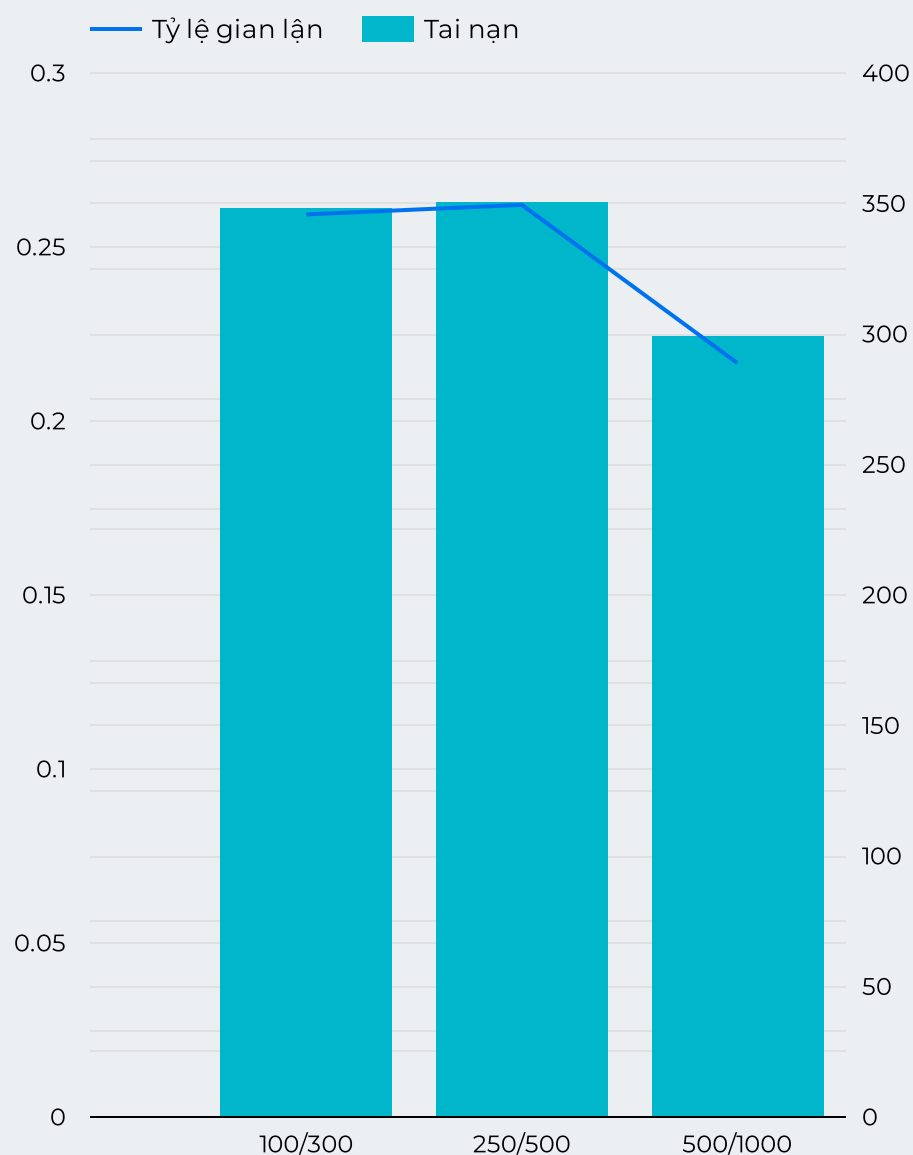


Biểu đồ histogram thể hiện mức độ gian lận so với độ tuổi

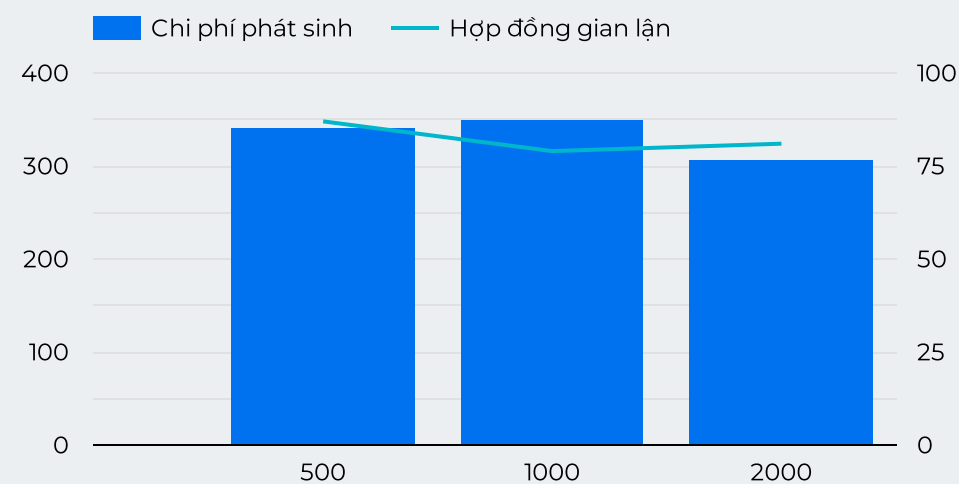


Biểu đồ cột hợp đồng gian lận tương ứng với mỗi ngành nghề

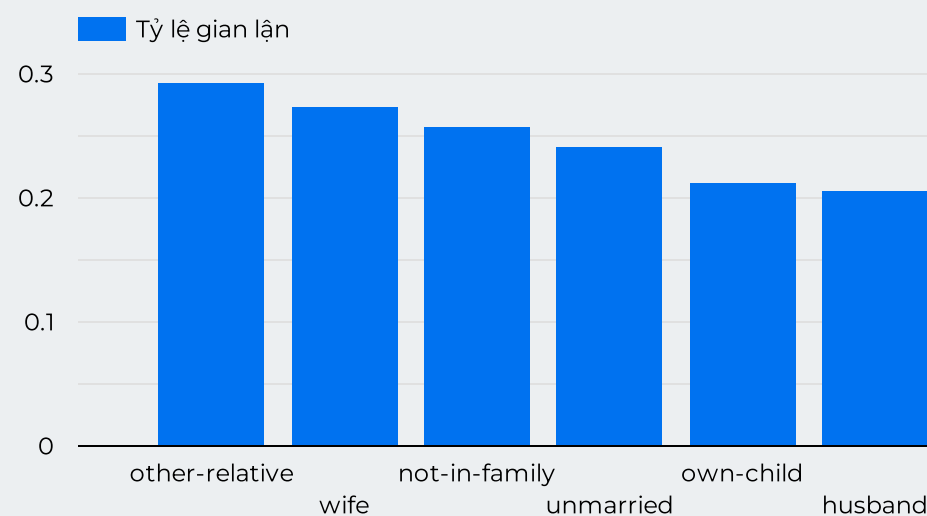
b. Thống kê từ bảo hiểm



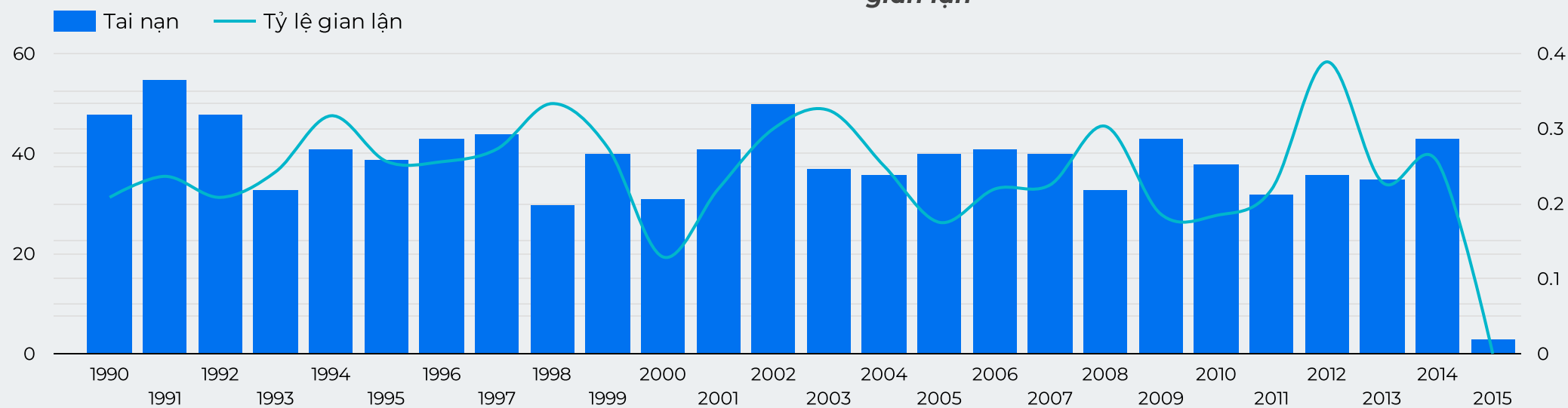
Biểu đồ cột thể hiện loại bảo hiểm tương quan thế nào với độ chênh lệch các hợp đồng gian lận



Biểu đồ kết hợp thể hiện liệu chi phí phát sinh có liên quan đến hợp đồng gian lận hay không



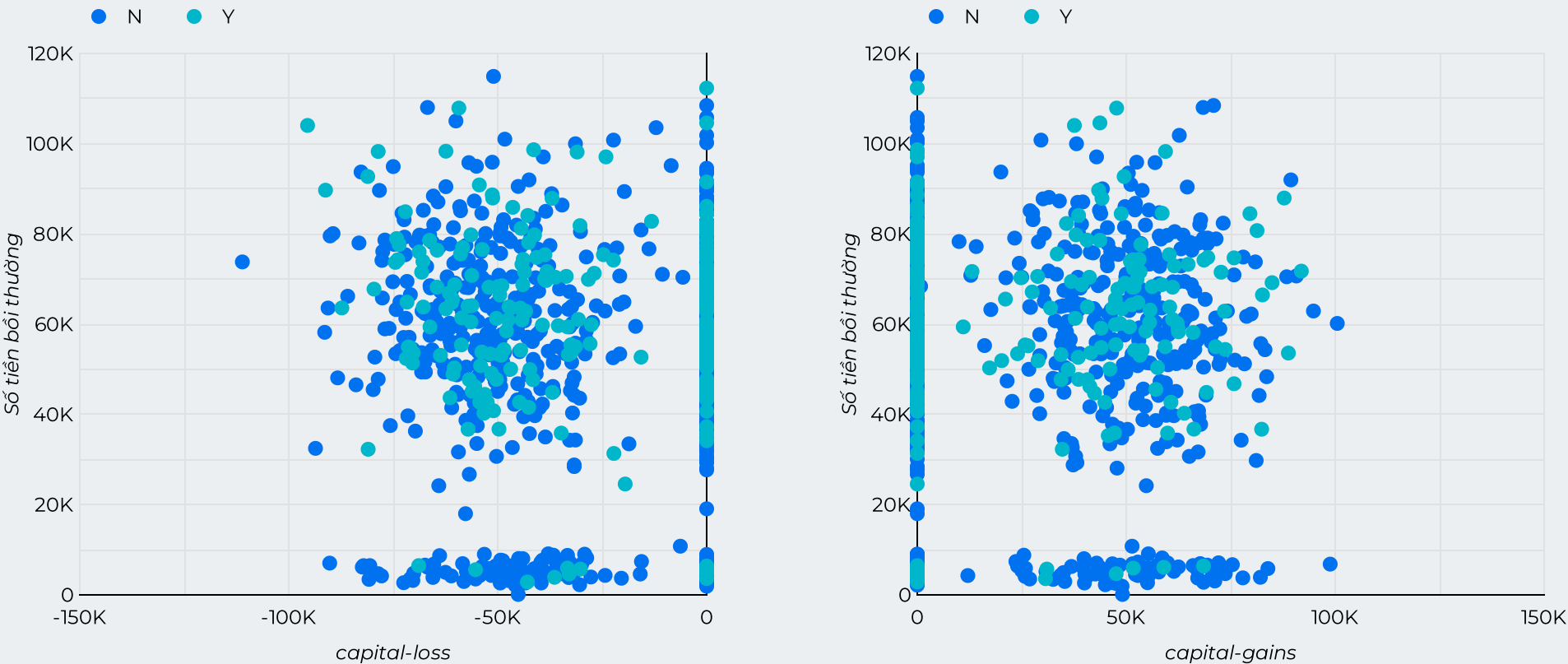
Biểu đồ kết hợp thể hiện giới tính với lượng hợp đồng gian lận



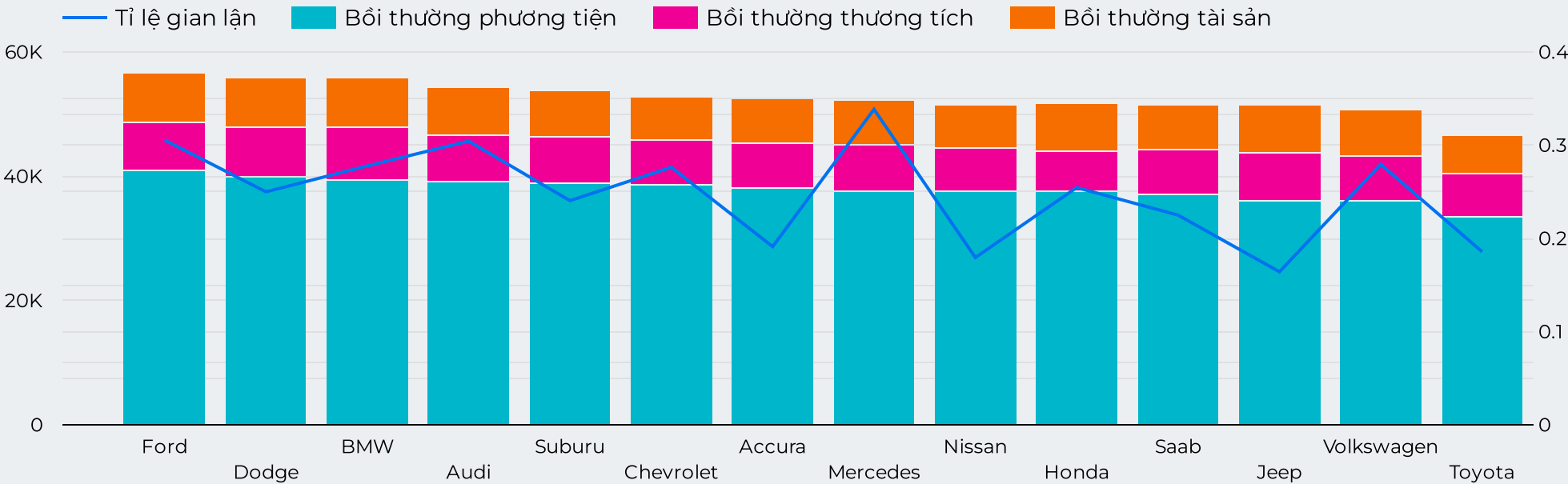
Biểu đồ kết hợp thể hiện năm đăng ký bảo hiểm với lượng hợp đồng gian lận

III. Báo cáo tài chính

Doanh thu	Số tiền bồi thường	Số tiền gian lận	Tỷ lệ gian lận
\$22.56M	\$52.76M	\$14.89M	28.2%



Biểu đồ kết hợp thể hiện giới tính với lượng hợp đồng gian lận



Biểu đồ kết hợp thể hiện tỷ lệ gian lận ứng với từng hãng xe